

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **116** /2018/HS-ST
Ngày 19/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Khắc Đồng** và ông **Đỗ Mạnh Châm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Kim Tuyến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HS ngày 08/10/2018 đối với bị cáo:

Trần Minh H, sinh ngày 01/9/1998 tại T

Nơi cư trú: Tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Chí T, sinh năm 1972 và bà Trần Thu H, sinh năm 1981; vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyền Quang. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Cao Tuấn P, sinh năm 1998

Nơi cư trú: V, xã G, huyện T, tỉnh Đ. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức D, sinh ngày 10/9/2000;

Nơi cư trú: Tổ 2, phường P, thành phố T, tỉnh T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 5 năm 2018, Trần Minh H vào mạng xã hội Facebook thấy nick có tên “NT” là tên nick của Nguyễn Cao Tuấn P, sinh năm 1998, cư trú tại V, xã G, huyện T, tỉnh Đ, có giao bán các loại ma túy, H vào mạng hỏi mua ma túy của P. P đồng ý và cho H số điện thoại của P là 01294.505.263 để liên lạc và giao dịch.

Ngày 25/5/2018, H gọi điện thoại cho P hỏi mua ma túy loại Ketamine (dạng viên nén và dạng tinh thể); ma túy dạng cỏ (thường gọi là cỏ mỹ) với số tiền tổng 4.500.000đ, P đồng ý. H nhắn tin số điện thoại đang sử dụng và địa chỉ giả tạo là tổ 3, phường N, thành phố T, tỉnh T cho P để gửi ma túy cho H qua đường bưu điện, bằng hình thức chuyển hàng thu tiền. Ngày 26/5/2018 P đóng hộp số ma túy mà H đặt mua, sau đó đến bưu cục V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ gửi cho H theo địa chỉ H đã nhắn tin. Khoảng 14 giờ ngày 28/5/2018, do thấy địa chỉ ghi trên bì hàng không đúng nên nhân viên bưu điện tỉnh Tuyên Quang là bà Nguyễn Thị Phương T đã gọi điện thoại cho H theo số ghi trên bì gửi hàng, thông báo cho H đến nhận hàng. Sau khi nghe điện thoại, H rủ Nguyễn Đức D, sinh năm 2000, trú tại tổ 2, phường P, thành phố T, tỉnh T đi cùng đến bưu điện tỉnh Tuyên Quang, H thanh toán cho bà T 4.500.000đ tiền mua hàng, 83.000đ tiền cước vận chuyển và nhận gói ma túy mang về quán Internet H, ở tổ 2, phường T, thành phố T. Hiếu mở gói ma túy vừa nhận ở bưu điện để kiểm tra, thấy bên trong có 03 túi nilon màu xanh (trong đó 01 túi bên trong có 03 viên nén màu hồng; 01 viên nén màu trắng; 01 túi bên trong có 02 cục chất bột màu trắng; 01 túi bên trong chứa lá khô cắt vụn). Thấy đủ số lượng ma túy đã đặt mua, H cất giấu trong người, sau đó cùng D đi ra bên ngoài quán Internet tìm chỗ sử dụng ma túy thì gặp Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện, bắt quả tang hồi 15 giờ ngày 28/5/2018, thu giữ và niêm phong số ma túy trên.

Tại kết luận giám định số 234/GĐKTHS ngày 31/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

+ 03 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu trắng trong túi ký hiệu M1 (thu giữ của Trần Minh Hiếu) gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, số thứ tự 35, thuộc danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; khối lượng 0,815g (không phẩy tám một năm gam).

+ Chất bột vón cục màu trắng trong túi ký hiệu M2 (thu giữ của Trần Minh Hiếu) gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, số thứ tự 35, thuộc danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, khối lượng 3,649g (ba phẩy sáu bốn chín gam).

Tại kết luận giám định số 3005/C54(TT2) ngày 12/6/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát bộ Công an kết luận: Mẫu lá thực vật khô, cắt vụn trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 (thu giữ của Trần Minh H) gửi giám định

có chất ma túy AMB-FUBINACA; khối lượng 1,512g (một phẩy năm một hai gam).

Ngoài hành vi trên, ngày 23/5/2018, H có mua của P 01 gói ma túy với giá 1.200.000đ, ngày 24/5/2018 mua của P 01 gói ma túy với giá 500.000đ, đều là chất ma túy dạng lá (thường gọi là cỏ Mỹ) và nhận qua đường bưu điện. Sau khi mua được ma túy, H đã sử dụng hết.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Trần Minh H và Nguyễn Đức D, kết quả (+) dương tính, có chất ma túy trong cơ thể. H khai nhận, ngày 24/5/2018 đã sử dụng ma túy mua của P. D khai nhận, ngày 20/5/2018 đã xin và sử dụng ma túy của một người không quen biết tại quán Internet H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 phong bì niêm phong, ký hiệu A1, trên các mép dán có chữ ký của Trần Minh H, của giám định viên và 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong là các chất ma túy, loại Ketamine; 01 phong bì niêm phong số 3005/C54(TT2), trên các mép dán có chữ ký của giám định viên, hình dấu của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, bên trong là lá thực vật chứa ma túy, loại AMB – FUBINACA; 01 hộp giấy, mặt trước có ký hiệu Ej814128105 VN; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1661 là vật chứng của vụ án.

Từ nội dung trên, cáo trạng số 108/CT-VKS-TP ngày 20 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Minh H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa thay đổi một phần nội dung kết luận và quyết định truy tố tại cáo trạng số 108/CT-VKS-TP ngày 20 tháng 9 năm 2018 về điểm, khoản của Điều luật truy tố đối với bị cáo Trần Minh H từ điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sang điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (do khối lượng 1,512g lá thực vật khô có chất ma túy loại AMB – FUBINACA không đủ định lượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự).

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Minh H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định số 234/GĐKTHS ngày 31/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và kết luận giám định số 3005/C54(TT2) của Viện Khoa học hình sự - Tổng

cục Cảnh sát Bộ Công an; bị cáo không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Trần Minh H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh H tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy; tang vật thu giữ; kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15 giờ ngày 28/5/2018, tại tổ 21, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang: Trần Minh H, cư trú tại tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh T đã có hành vi tàng trữ trái phép 4,464g (bốn phẩy bốn sáu bốn gam) Ketamine, là chất ma túy thuộc danh mục III, Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và 1,512g (một phẩy năm một hai gam) lá thực vật khô chứa chất ma túy, loại AMB-FUBINACA, mục đích để sử dụng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; hành vi tàng trữ 4,464g Ketamine và 1,512g lá thực vật khô chứa chất ma túy của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Tuy nhiên, khối lượng 1,512g (Một phẩy năm một hai gam) lá thực vật khô chứa chất ma túy, loại AMB-FUBINACA không đủ định lượng truy tố theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tại phiên tòa đã thay đổi một phần kết luận và quyết định truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy từ điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sang điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy, bị

cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Tuyên Quang. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, không có thu nhập thường xuyên và nghề nghiệp ổn định; hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Minh H và đối tượng Nguyễn Đức D; ngày 14/6/2018 Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 200/QĐ-CPVPHC đối với Trần Minh H, phạt tiền 500.000đ; Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 201/QĐ-CPVPHC đối với Nguyễn Đức D hình thức cảnh cáo, xét thấy có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Cao Tuấn P, là người bán chất ma túy cho H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định khởi tố bị can với P, về tội Mua bán trái phép chất ma túy để điều tra theo thẩm quyền, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong, ký hiệu A1, trên các mép dán có chữ ký của Trần Minh H, của giám định viên và 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong là các chất ma túy, loại Ketamine; 01 phong bì niêm phong số 3005/C54(TT2), trên các mép dán có chữ ký của giám định viên, hình dấu của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, bên trong là lá thực vật chứa ma túy, loại AMB – FUBINACA; 01 hộp giấy, mặt trước có ký hiệu Ej814128105 VN, không có giá trị sử dụng nên tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1661 là tài sản cá nhân của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:* Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo **Trần Minh H** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: bị cáo Trần Minh H **01** (Một) năm **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/5/2018.

2. *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong, ký hiệu A1, trên các mép dán có chữ ký của Trần Minh H, của giám định viên và 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong là các chất ma túy, loại Ketamine; 01 phong bì niêm phong số 3005/C54(TT2), trên các mép dán có chữ ký của giám định viên, hình dấu của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, bên trong là lá thực vật chứa ma túy, loại AMB – FUBINACA; 01 hộp giấy, mặt trước có ký hiệu Ej814128105 VN.

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1661 nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 17/10/2018.

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Minh H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh TQ;
- Công an tỉnh TQ;
- VKSND thành phố;
- Công an thành phố;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Đào Thị Thu Thủy

